



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Phía Nam: 240 HẬU GIANG, P.9, Q.6, TP. HCM - ĐT: (08) 3969 0978 FAX: (08) 3969 6814
 Phía Bắc: D1, khu D, KCN Phố Mới A, H. Văn Lâm, T. Hưng Yên - ĐT: (0321) 396 7868 - Fax: (0321) 396 7869
 Website: www.binhminhplastic.com

GIÁ BÁN SẢN PHẨM PP-R

(PRICE LIST OF PP-R PRODUCTS)

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 21-12-2015 ĐẾN KHI THAY ĐỔI BẢNG GIÁ MỚI

TT	Sản phẩm	Áp lực (PN)	Đơn giá (đồng/mét)		TT	Sản phẩm	Đơn giá (đồng/cái)		TT	Sản phẩm	Đơn giá (đồng/cái)	
			Chưa thuế	Thanh toán			Chưa thuế	Thanh toán			Chưa thuế	Thanh toán
Ống PP-R (PP-R Pipes)					Nối (Coupling)				Nối ren ngoài (Threaded Adaptor Male)			
1	Ø 20 x 1,9mm	10 bar	18.100	19.910	1	20	6.000	6.600	23	20 x 1/2"	58.000	63.800
2	Ø 20 x 3,4mm	20 bar	29.000	31.900	2	25	7.700	8.470	24	20 x 3/4"	82.000	90.200
3	Ø 25 x 2,3mm	10 bar	27.500	30.250	3	32	11.000	12.100	25	25 x 1/2"	61.000	67.100
4	Ø 25 x 4,2mm	20 bar	44.600	49.060	4	40	20.000	22.000	26	25 x 3/4"	87.000	95.700
5	Ø 32 x 2,9mm	10 bar	43.600	47.960	5	50	30.000	33.000	27	32 x 1"	262.000	288.200
6	Ø 32 x 5,4mm	20 bar	72.800	80.080	6	63	62.000	68.200	28	40 x 1.1/4"	395.000	434.500
7	Ø 40 x 3,7mm	10 bar	69.100	76.010	7	75	134.000	147.400	29	50 x 1.1/2"	435.000	478.500
8	Ø 40 x 6,7mm	20 bar	112.500	123.750	8	90	193.000	212.300	30	63 x 2"	599.000	658.900
9	Ø 50 x 4,6mm	10 bar	106.800	117.480	9	110	361.000	397.100	31	75 x 2.1/2"	1.450.000	1.595.000
10	Ø 50 x 8,3mm	20 bar	174.300	191.730	10	140	576.000	633.600	Rắc - co ren trong (Hexagonal Union Adaptor Female)			
11	Ø 63 x 5,8mm	10 bar	168.700	185.570	11	160	1.330.000	1.463.000	32	20 x 1/2"	144.000	158.400
12	Ø 63 x 10,5mm	20 bar	276.800	304.480	Nối ren trong (Threaded Adaptor Female)				33	25 x 3/4"	193.000	212.300
13	Ø 75 x 6,8mm	10 bar	285.000	313.500	12	20 x 1/2"	51.000	56.100	34	32 x 1"	289.000	317.900
14	Ø 75 x 12,5mm	20 bar	572.000	629.200	13	20 x 3/4"	68.000	74.800	35	40 x 1.1/4"	451.000	496.100
15	Ø 90 x 8,2mm	10 bar	600.000	660.000	14	25 x 1/2"	57.000	62.700	36	50 x 1.1/2"	819.000	900.900
16	Ø 90 x 15mm	20 bar	850.000	935.000	15	25 x 3/4"	68.000	74.800	37	63 x 2"	1.380.000	1.518.000
17	Ø 110 x 10mm	10 bar	897.000	986.700	16	32 x 3/4"	129.000	141.900	Rắc - co ren ngoài (Hexagonal Union Adaptor Male)			
18	Ø 110 x 18,3mm	20 bar	1.424.000	1.566.400	17	32 x 1"	240.000	264.000	38	20 x 1/2"	163.000	179.300
19	Ø 160 x 14,6mm	10 bar	2.032.000	2.235.200	18	40 x 1"	357.000	392.700	39	25 x 3/4"	201.000	221.100
20	Ø 160 x 26,6mm	20 bar	3.300.000	3.630.000	19	40 x 1.1/4"	302.000	332.200	40	32 x 1"	295.000	324.500
					20	50 x 1.1/2"	338.000	371.800	41	40 x 1.1/4"	476.000	523.600
					21	63 x 2"	515.000	566.500	42	50 x 1.1/2"	888.000	976.800
					22	75 x 2.1/2"	1.290.000	1.419.000	43	63 x 2"	1.500.000	1.650.000

* Ống PP-R do Nhựa Bình Minh sản xuất theo tiêu chuẩn DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008

* Phụ tùng cho ống PP-R là hàng nhập khẩu của BLUE OCEAN (UK)

TT	Sản phẩm	Đơn giá (đồng/cái)		TT	Sản phẩm	Đơn giá (đồng/cái)		TT	Sản phẩm	Đơn giá (đồng/cái)	
		Chưa thuế	Thanh toán			Chưa thuế	Thanh toán			Chưa thuế	Thanh toán
Nối giảm (Reducing Coupling)				Co 90° (90° Elbow)				Co 90° ren ngoài (Threaded 90° Elbow Male)			
44	25 x 20	6.500	7.150	74	20	7.000	7.700	103	20 x 1/2"	69.000	75.900
45	32 x 20	10.000	11.000	75	25	10.000	11.000	104	20 x 3/4"	111.000	122.100
46	32 x 25	11.000	12.100	76	32	15.000	16.500	105	25 x 1/2"	75.000	82.500
47	40 x 20	14.500	15.950	77	40	26.000	28.600	106	25 x 3/4"	95.000	104.500
48	40 x 25	15.500	17.050	78	50	57.000	62.700	107	32 x 3/4"	133.000	146.300
49	40 x 32	16.500	18.150	79	63	100.000	110.000	108	32 x 1"	278.000	305.800
50	50 x 20	25.500	28.050	80	75	222.000	244.200	Co 90° ren trong (Threaded 90° Elbow Female)			
51	50 x 25	27.000	29.700	81	90	351.000	386.100	109	20 x 1/2"	50.000	55.000
52	50 x 32	29.000	31.900	82	110	601.000	661.100	110	20 x 3/4"	72.000	79.200
53	50 x 40	34.000	37.400	83	140	1.330.000	1.463.000	111	25 x 1/2"	58.000	63.800
54	63 x 20	50.000	55.000	84	160	1.560.000	1.716.000	112	25 x 3/4"	80.000	88.000
55	63 x 25	54.500	59.950	Co 45° (45° Elbow)				113	32 x 3/4"	129.000	141.900
56	63 x 32	61.000	67.100	85	20	8.000	8.800	114	32 x 1"	250.000	275.000
57	63 x 40	62.000	68.200	86	25	9.700	10.670	Rắc - co hàn			
58	63 x 50	62.500	68.750	87	32	16.000	17.600	(Union Adaptor With Two Fusion End)			
59	75 x 32	102.000	112.200	88	40	30.000	33.000	115	20	96.000	105.600
60	75 x 40	107.000	117.700	89	50	51.000	56.100	116	25	138.000	151.800
61	75 x 50	109.000	119.900	90	63	109.000	119.900	117	32	204.000	224.400
62	75 x 63	123.000	135.300	91	75	171.000	188.100	118	40	222.000	244.200
63	90 x 40	156.000	171.600	92	90	266.000	292.600	Nắp khóa hàn (Cap)			
64	90 x 50	167.000	183.700	93	110	455.000	500.500	119	20	11.000	12.100
65	90 x 63	171.000	188.100	94	140	1.030.000	1.133.000	120	25	13.000	14.300
66	90 x 75	176.000	193.600	95	160	1.240.000	1.364.000	121	32	15.000	16.500
67	110 x 50	243.000	267.300	Khúc tránh (Bridging Piece)				122	40	20.000	22.000
68	110 x 63	287.000	315.700	96	20	31.000	34.100	123	50	51.000	56.100
69	110 x 75	292.000	321.200	97	25	49.000	53.900	124	63	72.000	79.200
70	110 x 90	296.000	325.600	98	32	85.000	93.500	125	75	127.000	139.700
71	140 x 110	720.000	792.000	99	40	180.000	198.000	126	90	195.000	214.500
72	160 x 110	958.000	1.053.800	100	50	294.000	323.400	127	110	320.000	352.000
73	160 x 140	1.200.000	1.320.000	101	63	511.000	562.100	Nắp khóa ren ngoài (Screw Cap)			
				Van bi (Ball Valve With Two Fusion)				128	20 x 1/2"	10.000	11.000
				102	20	70.000	77.000	129	25 x 3/4"	13.000	14.300

PP-R

Trang 2/3

TT	Sản phẩm	Đơn giá (đồng/cái)		TT	Sản phẩm	Đơn giá (đồng/cái)		TT	Sản phẩm	Đơn giá (đồng/cái)	
		Chưa thuế	Thanh toán			Chưa thuế	Thanh toán			Chưa thuế	Thanh toán
Cơ 90° giảm (90° Reducing Elbow)				T đều (Equal Tee)				Van bi gạt lạnh (Ball Valve for cold water use)			
130	25 x 20	10.000	11.000	161	20	8.000	8.800	189	20	69.000	75.900
131	32 x 20	15.000	16.500	162	25	12.000	13.200	190	25	84.000	92.400
132	32 x 25	16.000	17.600	163	32	21.000	23.100	191	32	127.000	139.700
T giảm (Reducing Tee)				164	40	36.000	39.600	192	40	187.000	205.700
133	25 x 20	13.000	14.300	165	50	62.000	68.200	193	50	314.000	345.400
134	32 x 20	19.000	20.900	166	63	136.000	149.600	194	63	515.000	566.500
135	32 x 25	22.000	24.200	167	75	302.000	332.200	Van bi gạt nóng (Ball Valve for hot water use)			
136	40 x 20	48.000	52.800	168	90	482.000	530.200	195	20	113.000	124.300
137	40 x 25	52.000	57.200	169	110	721.000	793.100	196	25	138.000	151.800
138	40 x 32	57.000	62.700	170	140	1.580.000	1.738.000	197	32	266.000	292.600
139	50 x 20	74.000	81.400	171	160	1.960.000	2.156.000	198	40	592.000	651.200
140	50 x 25	81.000	89.100	T ren trong (Threaded Tee Female)				199	50	829.000	911.900
141	50 x 32	84.000	92.400	172	20 x 1/2"	56.000	61.600	200	63	1.510.000	1.661.000
142	50 x 40	90.000	99.000	173	20 x 3/4"	81.000	89.100	Mặt bích, vai bích thép			
143	63 x 20	142.000	156.200	174	25 x 1/2"	58.000	63.800	(Flange with steel flange backing)			
144	63 x 25	157.000	172.700	175	25 x 3/4"	80.000	88.000	201	32	354.000	389.400
145	63 x 32	172.000	189.200	176	32 x 1"	250.000	275.000	202	40	443.000	487.300
146	63 x 40	242.000	266.200	T ren ngoài (Threaded Tee Male)				203	50	485.000	533.500
147	63 x 50	246.000	270.600	177	20 x 1/2"	66.000	72.600	204	63	585.000	643.500
148	75 x 25	246.000	270.600	178	20 x 3/4"	103.000	113.300	205	75	643.000	707.300
149	75 x 32	246.000	270.600	179	25 x 1/2"	73.000	80.300	206	90	812.000	893.200
150	75 x 40	246.000	270.600	180	25 x 3/4"	88.000	96.800	207	110	968.000	1.064.800
151	75 x 50	246.000	270.600	Van xoay (Stop Valve)				208	140	1.470.000	1.617.000
152	75 x 63	246.000	270.600	181	20	220.000	242.000	209	160	1.750.000	1.925.000
153	90 x 40	357.000	392.700	182	25	345.000	379.500	Bích (Flange)			
154	90 x 50	374.000	411.400	183	32	355.000	390.500	210	50	182.000	200.200
155	90 x 63	398.000	437.800	184	40	538.000	591.800	Joint mặt bích (Seal for flange)			
156	90 x 75	423.000	465.300	185	50	713.000	784.300	211	50	35.000	38.500
157	110 x 63	601.000	661.100	186	63	1.200.000	1.320.000	212	63	63.000	69.300
158	110 x 90	697.000	766.700	187	75	1.480.000	1.628.000	213	75	80.000	88.000
159	140 x 110	1.150.000	1.265.000	188	90	2.100.000	2.310.000	214	90	95.000	104.500
160	160 x 110	2.080.000	2.288.000					215	160	237.000	260.700